

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành
Trường Trung học cơ sở Tân Lộc, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung
một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2021 của
Chính phủ Quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư
công;*

*Căn cứ Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính Quy định về hệ thống biểu mẫu sử dụng trong công tác
quyết toán;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 1501/TTr-STC ngày
30 tháng 5 năm 2022.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành, gồm các nội
dung sau:

1. Tên dự án: Trường Trung học cơ sở Tân Lộc, quận Thốt Nốt, thành phố
Cần Thơ.
2. Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân quận Thốt Nốt.
3. Địa điểm thực hiện: phường Tân Lộc, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.
4. Thời gian khởi công - hoàn thành: 06/2017 - 12/10/2020.

Điều 2. Kết quả đầu tư

1. Chi phí đầu tư:



Đơn vị tính: đồng

| TT | Nội dung | Tổng mức đầu tư dự án được phê duyệt | Giá trị quyết toán được phê duyệt |
|----------------|---------------------------------|--------------------------------------|-----------------------------------|
| Tổng số | | 26.036.663.241 | 22.612.684.827 |
| 1 | Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư | 1.860.986.400 | 1.556.423.300 |
| 2 | Xây dựng | 18.241.149.114 | 17.285.376.930 |
| 3 | Thiết bị | 1.899.530.000 | 1.803.030.000 |
| 4 | Quản lý dự án | 394.749.451 | 394.749.000 |
| 5 | Tư vấn | 1.631.197.196 | 1.456.319.274 |
| 6 | Chi phí khác | 1.118.052.844 | 116.786.323 |
| 7 | Dự phòng | 890.998.236 | - |

2. Nguồn vốn đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

| Số TT | Nội dung | Tổng mức đầu tư của dự án | Thực hiện | | | |
|-------|---|---------------------------|-------------------------------|-----------------------|---|--|
| | | | Giá trị quyết toán được duyệt | Số vốn đã giải ngân | Số vốn còn được giải ngân so với giá trị quyết toán phê duyệt | Số vốn phải thu hồi so với giá trị quyết toán được phê duyệt |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6=4-5 | 7=5-4 |
| | Tổng số | 26.036.663.241 | 22.612.684.827 | 22.354.512.764 | 258.172.063 | - |
| 1 | Ngân sách thành phố hỗ trợ đầu tư có mục tiêu | 26.036.663.241 | 22.612.684.827 | 22.354.512.764 | 258.172.063 | - |

3. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

| TT | Nội dung | Thuộc chủ đầu tư quản lý | | Giao đơn vị khác quản lý | |
|----|-----------------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| | | Giá trị thực tế | Giá trị quy đổi (nếu có) | Giá trị thực tế | Giá trị quy đổi (nếu có) |
| | Tổng số | 22.612.684.827 | | | |
| 1 | Tài sản dài hạn (tài sản cố định) | 22.612.684.827 | | | |
| 2 | Tài sản ngắn hạn | | | | |

4. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản: không
 5. Vật tư thiết bị tồn đọng (nếu có): không.

Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan:

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

a) Được phép tất toán chi phí và vốn đầu tư là:

Đơn vị tính: đồng

| Nguồn vốn | Số tiền (đồng) | Ghi chú |
|---|-----------------------|---------|
| Tổng số | 22.612.684.827 | |
| Ngân sách thành phố hỗ trợ đầu tư có mục tiêu | 22.612.684.827 | |

b) Tổng các khoản công nợ tính đến ngày 06 tháng 7 năm 2021 là:

- Tổng nợ phải thu : 21.610.711 đồng.
- Tổng nợ phải trả : 279.782.774 đồng.

(Chi tiết các khoản công nợ phải thu, phải trả theo Phụ lục đính kèm)

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: được phép ghi tăng tài sản.

Đơn vị tính: đồng

| Đơn vị tiếp nhận tài sản | Tài sản dài hạn/cố định | Tài sản ngắn hạn |
|-------------------------------|-------------------------|------------------|
| Ủy ban nhân dân quận Thốt Nốt | 22.612.684.827 | - |

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Cần Thơ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận Thốt Nốt, Hiệu trưởng Trường Trung học cơ sở Tân Lộ và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. /

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT UBND thành phố;
- Ban QLDA và PTQĐ quận TN;
- VP UBND thành phố (3D);
- Công TTĐT thành phố;
- Lưu VT. U *mm*

**KT. CHỦ TỊCH
 PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Hồng



Phụ lục

Dự án: Trường Trung học cơ sở Tân Lộc, phường Tân Lộc, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ

(Kèm theo Quyết định số: 170/QĐ-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

Đơn vị tính: đồng

| TT | Khoản mục chi phí | Giá trị đã thanh toán, tạm ứng (Mẫu 03/QTDA ngày 08/3/2021) | Giá trị đã thanh toán, tạm ứng (bao gồm nộp giảm/thu hồi theo Kết luận KTNN KV V) | Giá trị quyết toán | Công nợ còn tồn đến ngày khóa sổ lập báo cáo quyết toán ngày 06/7/2021 | |
|------------|--|---|---|-----------------------|--|----------|
| | | | | | Phải trả | Phải thu |
| I | Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư | 1.556.423.300 | 1.556.423.300 | 1.556.423.300 | - | - |
| 1 | Chi phí Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (cho dân) | 1.556.423.300 | 1.556.423.300 | 1.525.905.300 | - | - |
| 2 | Chi phí Hội đồng bồi thường | | | 30.518.000 | | |
| II | Chi phí xây dựng | 17.314.273.000 | 17.194.469.930 | 17.285.376.930 | 90.907.000 | - |
| 1 | Khối nhà chính, nhà giáo viên, nhà bảo vệ, bể nước, hàng rào | 17.132.273.000 | 17.012.469.930 | 17.103.376.930 | 90.907.000 | - |
| a | Giá trị theo hợp đồng | 17.132.273.000 | 17.012.469.930 | 16.980.567.930 | - | - |
| b | Giá trị phát sinh tăng | - | - | 122.809.000 | | |
| 2 | Trạm hạ thế 50KVA | 182.000.000 | 182.000.000 | 182.000.000 | - | - |
| III | Chi phí thiết bị | 1.803.030.000 | 1.803.030.000 | 1.803.030.000 | - | - |
| IV | Chi phí quản lý dự án | 390.000.000 | 390.000.000 | 394.749.000 | 4.749.000 | - |
| V | Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng | 1.352.780.500 | 1.352.780.500 | 1.456.319.274 | 103.538.774 | - |
| 1 | Chi phí lập dự án | 110.069.500 | 110.069.500 | 104.499.546 | 7.634.046 | - |
| 2 | Chi phí khảo sát địa hình | | | 13.204.000 | | |
| 3 | Chi phí khảo sát địa chất | 87.831.000 | 87.831.000 | 96.999.000 | 9.168.000 | - |
| 4 | Chi phí thiết kế bản vẽ thi công - dự toán | 445.000.000 | 445.000.000 | 494.959.000 | 49.959.000 | - |
| 5 | Chi phí thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công | 84.151.000 | 84.151.000 | 84.151.000 | - | - |
| 6 | Chi phí thẩm tra dự toán xây dựng | | | | | |

| TT | Khoản mục chi phí | Giá trị đã thanh toán, tạm ứng (Mẫu 03/QTDA ngày 08/3/2021) | Giá trị đã thanh toán, tạm ứng (bao gồm nộp giảm/thu hồi theo Kết luận KTNN KV V) | Giá trị quyết toán | Công nợ còn tồn đến ngày khóa sổ lập báo cáo quyết toán ngày 06/7/2021 | |
|-----------|---|---|---|-----------------------|--|-------------------|
| | | | | | Phải trả | Phải thu |
| 7 | Chi phí thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công-dự toán Trạm hạ thế 50KVA | - | - | 4.000.000 | 4.000.000 | - |
| 8 | Chi phí giám sát Trạm hạ thế 50KVA | - | - | 4.394.000 | 4.394.000 | - |
| 9 | Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị Trạm hạ thế 50KVA | | | | | |
| 10 | Chi phí lập Hồ sơ mời thầu và Đánh giá hồ sơ dự thầu xây lắp | 68.079.000 | 68.079.000 | 68.079.000 | - | - |
| 11 | Chi phí lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu thiết bị | - | - | 5.191.000 | 5.191.000 | - |
| 12 | Chi phí giám sát thi công xây dựng | 481.000.000 | 481.000.000 | 495.392.728 | 14.392.728 | - |
| 13 | Chi phí thử tĩnh cọc | 76.650.000 | 76.650.000 | 76.650.000 | - | - |
| 14 | Chi phí thẩm định giá thiết bị | - | - | 8.800.000 | 8.800.000 | - |
| VI | CHI PHÍ KHÁC | 57.809.034 | 57.809.034 | 116.786.323 | 80.588.000 | 21.610.711 |
| 1 | Chi phí bảo hiểm công trình | 36.116.300 | 36.116.300 | 14.505.589 | - | 21.610.711 |
| 2 | Lệ phí thẩm định dự án | 3.737.207 | 3.737.207 | 3.737.207 | - | - |
| 3 | Phí thẩm duyệt thiết kế về PCCC | 2.221.915 | 2.221.915 | 2.221.915 | - | - |
| 4 | Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán | - | - | 80.588.000 | 80.588.000 | - |
| 5 | Phí thẩm định thiết kế | 15.733.612 | 15.733.612 | 15.733.612 | - | - |
| 6 | Phí thẩm định dự toán | | | | | |
| | TỔNG | 22.474.315.834 | 22.354.512.764 | 22.612.684.827 | 279.782.774 | 21.610.711 |

Ghi chú:

- Các khoản công nợ căn cứ báo cáo quyết toán mẫu 03/QTDA ngày 08/3/2021 và mẫu 08/QTDA ngày 23/4/2021 của Ủy ban nhân dân quận Thốt Nốt và giá trị quyết toán được phê duyệt.

- Chủ đầu tư đã thực hiện kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước Khu vực V theo Biên bản kiểm toán tại Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất quận Thốt Nốt tháng 8/2020.